

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HS-ST.

Ngày: 25/4/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khương.

2. Bà Trần Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2022/HSST ngày 30 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: T; **Giới tính:** Nam; **Tên gọi khác:** Không; **Sinh năm** 1975; tại tỉnh Đắk Lắk; **Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú hiện nay:** Số A đường K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; **Nghề nghiệp:** Làm nông; **Trình độ học vấn:** 4/12; **Dân tộc:** Kinh; **Tôn giáo:** Không; **Quốc tịch:** Việt Nam; con ông C, sinh năm: 1941 và con bà T2, sinh năm: 1943, hiện trú tại: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; **Bị cáo có vợ là** D, sinh năm: 1974; **Bị cáo có 01 con** sinh năm: 2002.

Tiền án: Không; **Tiền sự:** Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/10/2021 cho đến nay. **Bị cáo có mặt tại phiên tòa.**

2. Họ và tên: Đ; **Giới tính:** Nam; **Tên gọi khác:** Không; **Sinh năm** 1982; tại tỉnh Hải Dương; **Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú hiện nay:** Thôn T3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; **Nghề nghiệp:** Làm nông; **Trình độ học vấn:** 05/12; **Dân tộc:** Kinh; **Tôn giáo:** Không; **Quốc tịch:** Việt Nam; con ông N, sinh năm: 1940, và con bà B, sinh năm: 1951, hiện trú tại: Thôn T3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; **Bị cáo**

có vợ là Đ, sinh năm: 1986; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 2009, con nhỏ nhất sinh năm: 2020.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/10/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: N; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1979; Tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú hiện nay: Số A1 đường K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông L, sinh năm: 1937, và con bà H, sinh năm: 194, hiện trú tại: Số A1 đường K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là T4, sinh năm: 1982; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm: 2008, con nhỏ nhất sinh năm: 2016.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/10/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: T1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1967 tại tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú hiện nay: Số A2 đường K, phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông T5 (đã chết) và con bà M, sinh năm: 1930; hiện trú tại: Thôn K2, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; Bị cáo có vợ là H1, sinh năm: 1967; Bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm: 1995, con nhỏ nhất sinh năm: 2002.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/10/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: L; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1984 tại tỉnh Quảng Bình; Nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú hiện nay: Số A3 đường V, phường T6, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ1 (đã chết) và con bà Đ2 (đã chết); Bị cáo có vợ là N, sinh năm: 1982; Bị cáo có 01 con sinh năm: 2008.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/10/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà N1.

Địa chỉ: Số A3 đường V, phường T6, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 19/10/2021, N, T, Đ, T1 và L đến quán nước ngồi uống với nhau, sau đó rủ đến nhà L đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa thắng, thua bằng tiền và thống nhất khi đánh bạc sẽ thu tiền xâu, cuối buổi sẽ đưa cho L số tiền xâu thu được để dọn dẹp, thì tất cả đồng ý. Sau đó, T, N, T1, Đ cùng đi về nhà L ở địa chỉ: Số A3 đường V, phường T6, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, L chuẩn bị một cái chần trải ở gian nhà bếp để đánh bạc; chén, đĩa, bài tú lơ khơ có sẵn trong nhà, nên T, N, T1, Đ cùng mang bài ra để cắt con vị và lấy chén, đĩa để xóc các con vị. Khi chơi T là người xóc cái để N, T1 và Đ tham gia đặt tiền cược. Khi đánh bạc, T, N, T1, Đ để toàn bộ số tiền tham gia đánh bạc trên chiếu bạc trước vị trí mình ngồi. Trong đó, T mang theo và sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc. N mang theo và sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc. T1 mang theo và sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc. Đ mang theo và sử dụng số tiền 2.500.000 đồng để đánh bạc. L không tham gia đánh bạc mà sử dụng căn nhà nơi L sinh sống và quản lý để T, N, T1, Đ đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi các con bạc đang đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền thì bị lực lượng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang, tạm giữ trên chiếu bạc số tiền 9.500.000 đồng cùng các vật chứng phục vụ đánh bạc.

Hình thức đánh bạc xóc đĩa cụ thể như sau: Những người tham gia chơi đánh bạc sẽ có một người đứng ra làm cái, người này sẽ xóc 04 con vị nhiều lần (Mỗi con vị được cắt từ lá bài Tây, có hình tròn, có một mặt sấp, một mặt ngửa (hoặc có thể gọi là mặt trắng, mặt đen), được đặt trên 01 cái đĩa, đập bằng 01 cái chén), để các con vị chuyển động ngẫu nhiên ra các kết quả chẵn hoặc lẻ. Kết quả chẵn khi 04 con vị xuất hiện các trường hợp: 04 mặt sấp hoặc 04 mặt ngửa hoặc 02 mặt sấp và 02 mặt ngửa. Kết quả lẻ khi 04 con vị xuất hiện các trường hợp: 03 con vị mặt sấp và 01 con vị mặt ngửa hoặc 01 con vị mặt sấp và 03 con vị mặt ngửa. Khi người làm cái xóc xong thì đặt xuống chiếu bạc để những người tham gia đánh bạc đặt tiền cược, trong đó quy ước đặt tiền cược bên tay phải người làm cái là chẵn và bên tay trái người làm cái là lẻ, mức đặt tiền cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng. Cách thức thắng thua như sau: Người làm cái có thể trực tiếp thắng thua với các con bạc toàn bộ số tiền mà các con bạc đã đặt cược trên chiếu bạc, hoặc người làm cái nhận thắng thua một phần tiền cược trên chiếu bạc và số tiền còn lại trên chiếu bạc thì các con bạc trực tiếp thắng thua với nhau. Các bị cáo thống nhất nếu ván nào có kết quả xóc cái ra 03 con vị mặt ngửa, 01 con vị mặt sấp sẽ thu xâu 50.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 110/CT-VKS-HS ngày 30 tháng 3 năm 2022, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố các bị cáo L, T, Đ, T1 và N về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo L, T, Đ, T1 và N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và nội dung Bản cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát đã công bố.

Tại phiên tòa và quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ

nguyên quyết định truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo L, T, Đ, T1 và N phạm tội “Đánh bạc”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T và L.

- Xử phạt bị cáo T và bị cáo L mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đ, T1 và N.

- Xử phạt bị cáo Đ, T1 và N mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự;

- Đối với số tiền 9.500.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 đĩa sứ tròn, đường kính 18cm; 01 chén nhựa màu trắng có hoa văn đường kính 12cm; 04 con vị hình tròn đường kính 02cm, được cắt từ lá bài Tú Lơ Khơ (chất chuồn); 01 chăn vải màu xám xọc hồng xanh, kích thước 1,6x2 mét là công cụ được các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo L, T, Đ, T1 và N không bào chữa và tham gia tranh luận gì. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất, cho các bị cáo được hưởng án treo, tự cải tạo sửa chữa sai lầm dưới sự giám sát của chính quyền địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ được và những tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Do ý thức coi thường pháp luật coi thường các quy định về trật tự công cộng nên khoảng 14 giờ ngày 19/10/2021 tại nhà của bị cáo L, ở địa chỉ: Số A3 đường V, phường T6, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, các bị

cáo T, Đ, N và T1 đánh bạc được thua bằng tiền, dưới hình thức xóc đĩa, để bị cáo L thu tiền xâu, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền đánh bạc là 9.500.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo L, T, Đ, T1 và N đã phạm vào tội “Đánh bạc”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Như vậy, Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo L, T, Đ, T1 và N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, đúng người đúng tội.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng đồng thời còn gây ảnh hưởng đến trật tự an ninh xã hội, các bị cáo đều biết rằng, đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền là tệ nạn xã hội được pháp luật nghiêm cấm, song do ý thức coi thường pháp luật, các bị cáo đã bước vào con đường phạm tội. Từ tội phạm này là nguyên nhân dẫn đến một số tội phạm như cướp giật, trộm cắp và các tệ nạn xã hội khác.

[4] Xét thấy trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, mức độ phạm tội của từng bị cáo và nhân thân của từng bị cáo có khác nhau nên cần đánh giá xem xét cụ thể để tuyên một mức hình phạt phù hợp với mỗi bị cáo, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, nhằm răn đe, phòng ngừa chung trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

[4.1] Bị cáo T sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc; bị cáo Đ sử dụng số tiền 2.500.000 đồng để đánh bạc; các bị cáo N và T1 sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc. Do đó hình phạt đối với bị cáo T nghiêm khắc hơn so với các bị cáo khác. Hình phạt đối với các bị cáo N và T1 là ngang bằng nhau và thấp hơn các bị cáo khác là phù hợp.

[4.2] Bị cáo L dùng địa điểm của mình để cho các bị cáo đánh bạc và thu tiền xâu, hành vi của bị cáo chưa đủ dấu hiệu của tội tổ chức đánh bạc nên bị cáo bị truy tố về tội đánh bạc với vai trò đồng phạm, do đó cần cân nhắc để có mức hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đ có bố đẻ là ông V1 được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam tặng danh hiệu Huân chương kháng chiến hạng nhì; Bị cáo N và bị cáo T1 có thời gian phục vụ Quân đội Nhân dân Việt Nam, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo L, T, Đ, T1 và N đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Do vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

[6] Các biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 9.500.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 đĩa sứ tròn, đường kính 18cm; 01 chén nhựa màu trắng có hoa văn đường kính 12cm; 04 con vị hình tròn đường kính 02cm, được cắt từ lá bài Tú Lơ Khơ (chất chuồn); 01 chăn vải màu xám xộc hồng xanh, kích thước 1,6x2 mét là công cụ được các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về các hành vi khác:

Đối với địa điểm đánh bạc tại địa chỉ: Số A3 đường V, phường T6, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu của bà N1 (mẹ vợ của bị cáo L). Bà N1 giao lại căn nhà trên cho bị cáo L và vợ là N sinh sống và trông coi, quản lý. Việc bị cáo L đưa người khác vào nhà để đánh bạc thì bà N1 và chị N không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý, là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo T, Đ, T1, N và L, phạm tội “Đánh bạc”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đ 10 (Mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo T1 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử

thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo và N 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo L 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo T, T1 và N cho Ủy ban Nhân dân phường X, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục cáo bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đ cho Ủy ban Nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo L cho Ủy ban Nhân dân phường T6, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục cáo bị cáo trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Các bị cáo T, Đ, T1, N và L thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

*** Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 9.500.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy 01 đĩa sứ tròn, đường kính 18cm; 01 chén nhựa màu trắng có hoa văn, đường kính 12cm; 04 con vị hình tròn đường kính 02cm, được cắt từ lá bài Tú Lơ Khơ (chất chuồn); 01 chăn vải màu xám xộc hồng xanh, kích thước 1,6x2 mét là công cụ được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

(Hiện toàn bộ vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/4/2022 lưu tại hồ sơ).

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo T, Đ, T1, N và L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Thi hành án phạt tù (để thi hành);
- Chi cục THADS thành phố Buôn Ma Thuột;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường X, TP. Buôn Ma Thuột;
- UBND phường T6, TP. Buôn Ma Thuột;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đông